

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST

Ngày 26/11/2021.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quốc Trị, ông Hà Xuân Ninh.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994, tên gọi khác: Không.

Trú tại: phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: anh Vũ Văn T, sinh năm 1990, tên gọi khác: Không.

Trú tại: thôn 1, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Tôi và anh Vũ Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện G vào ngày 04/12/2014. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời, rượu chè rồi gây sự đánh đập tôi. Tôi đã cố gắng nhẫn nhịn và nhờ hai bên gia đình can thiệp, phân tích mong anh T thay đổi nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy,

không hề thay đổi. Đến đầu năm 2021 tôi đã làm đơn xin ly hôn với anh T nhưng được Tòa án phân tích, hòa giải nên tôi đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nhưng anh T vẫn không thay đổi lối sống khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến tháng 5/2021, anh T đã bỏ về sinh sống tại thôn 1, xã G, huyện G còn tôi vẫn sinh sống tại phố Mỹ Sơn, thị trấn Me. Vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 2 con chung là các cháu Vũ Hoàng Anh T, sinh ngày 18/9/2020 và cháu Vũ Hoàng A, sinh ngày 16/7/2015. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi mỗi tháng là 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 cháu/01 tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 09/9/2021, bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Tôi và cô Hoàng Thị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau vào ngày 04/12/2014 tại UBND thị trấn M, huyện G. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng tháng 5/2021, khi tôi đi chơi với bạn về thì cô Lý đã ghen tuông vô cớ rồi vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Không giữ được bình tĩnh nên tôi đã bỏ về sinh sống tại thôn 1, xã G, huyện G và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn qua lại với nhau nữa. Nay cô Lý làm đơn xin ly hôn với tôi, tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, có thể khắc phục được nên tôi không đồng ý ly hôn. Tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng tôi quay về đoàn tụ với nhau. Nếu cô Lý vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đó là quyền của cô Lý.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là các cháu Vũ Hoàng A, sinh ngày 16/7/2015 và cháu Vũ Hoàng Anh T, sinh ngày 18/9/2020. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với cô Lý. Nếu phải ly hôn tôi đề nghị vợ chồng mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm

sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T; về con chung đề nghị giao cháu Vũ Hoàng Anh T cho chị Hoàng Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vũ Hoàng Anh T đủ 18 tuổi; giao cháu Vũ Hoàng A cho anh Vũ Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Hoàng A đủ 18 tuổi, chị L và anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn T có địa chỉ tại thôn 1, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của nguyên đơn là do anh T thường xuyên chơi bời, rượu chè rồi gây sự đánh đập chị L khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị L khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn. Bản thân anh T tuy nói rằng vợ chồng mâu thuẫn không lớn, chưa đến mức phải ly hôn và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Tuy nhiên khi Tòa án tổ chức hòa giải lần hai dù được Tòa án thông báo phiên hòa giải hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân

không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị L, xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T có 2 con chung là các cháu Vũ Hoàng A, sinh ngày 16/7/2015 và cháu Vũ Hoàng Anh T, sinh ngày 18/9/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị L. Xét anh Vũ Văn T và chị Hoàng Thị L đều là những người khỏe mạnh, đều là lao động tự do trên địa bàn cư trú, với mức thu nhập của anh T là 3.750.000 đồng/tháng; thu nhập của chị L khoảng 6.000.000 đồng/tháng, nhưng do trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên thu nhập của chị L có giảm xuống, dao động khoảng 4.500.000 đồng đến 5.500.000 đồng/tháng (đều có xác nhận của chính quyền địa phương). Anh T và chị L đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ nên đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nếu giao cả hai con cho một người nuôi dưỡng sẽ là gánh nặng về kinh tế nên việc chị L yêu cầu được nuôi cả hai con chung là không thỏa đáng. Do cháu Vũ Hoàng A hiện nay đã trên 06 tuổi nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Vũ Hoàng Anh T hiện nay còn nhỏ hơn 01 tuổi nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Anh T và chị L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn T xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Anh T sinh ngày 18/9/2020 cho chị Hoàng Thị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vũ Hoàng Anh T đủ 18 tuổi; giao cháu Vũ Hoàng A sinh ngày 16/7/2015 cho anh Vũ Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Hoàng A đủ

18 tuổi. Chị L và anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000328, ngày 29/7/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Quốc